

Họ và tên: Số báo danh:

Mã đề 121

Câu 1. Mối quan hệ giữa Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức được cải thiện thông qua sự kiện nào sau đây?

- A. Việc kí Hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược năm 1972.
- B. Hiệp ước hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa năm 1972 được kí kết.
- C. Việc kí Định ước Helsinki năm 1975.
- D. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết.

Câu 2. Hãy cho biết ba “con rồng” kinh tế châu Á thuộc khu vực Đông Bắc Á

- A. Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản.
- B. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.
- C. Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản.
- D. Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản.

Câu 3. Sự kiện nào sau đây không thuộc những biến đổi cơ bản của các nước Đông Bắc Á sau năm 1945?

- A. Sự thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.
- B. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.
- C. Sự ra đời của hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên.
- D. Một số nước đạt nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước.

Câu 4. Ngày 8 – 9 – 1951, Nhật Bản ký kết với Mĩ hiệp ước gì?

- A. Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật.
- B. Hiệp ước phòng thủ chung Đông Nam Á.
- C. Hiệp ước liên minh Mĩ – Nhật.
- D. Hiệp ước chạy đua vũ trang.

Câu 5. Quyết định nào dưới đây của Hội nghị Ianta (2 – 1945) đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược Đông Dương?

- A. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.
- B. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.
- C. Đồng ý cho quân Trung Hoa Dân quốc và quân Anh vào Đông Dương.
- D. Quân Anh sẽ mở đường cho thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương.

Câu 6. Trong các nguyên nhân phát triển kinh tế của Mĩ, nguyên nhân nào quan trọng nhất?

- A. Nước Mĩ rộng lớn, giàu tài nguyên, vừa ít bị chiến tranh tàn phá vừa lợi dụng làm giàu từ chiến tranh.
- B. Nguồn nhân lực dồi dào và trình độ kĩ thuật cao.
- C. Mĩ khởi đầu cách mạng khoa học – kĩ thuật của nhân loại và áp dụng thành công những thành tựu khoa học – kĩ thuật.
- D. Nhà nước có chính sách điều tiết hợp lí, trình độ tập trung tư bản cao và các công ty của Mĩ có sức sản xuất, cạnh tranh hiệu quả.

Câu 7. Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới nhờ thực hiện cuộc cách mạng nào?

- A. cách mạng xanh.
- B. cách mạng trắng.
- C. cách mạng công nghiệp.
- D. cách mạng chất xám.

Câu 8. Biến đổi có ý nghĩa lớn nhất đối với các dân tộc Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Việt Nam góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và kiểu mới.
- B. Từ thân phận phân bị mất độc lập đã trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.
- C. Nhiều nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trở thành nước công nghiệp.
- D. Thành lập và mở rộng liên minh khu vực – ASEAN.

Câu 9. Biểu hiện nào sau đây thể hiện giai đoạn từ 1991 đến năm 2000, khoa học – kĩ thuật của Mĩ vẫn tiếp tục phát triển?

- A. Tạo ra 25% giá trị sản phẩm của toàn thế giới, là kinh đô của điện ảnh và là cường quốc thể thao.
- B. Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của toàn thế giới, GDP năm 2000 là 9.765 tỉ USD.
- C. Mĩ dẫn đầu về số lượt người nhận giải Nobel, giải Grammy có tiếng vang và ảnh hưởng quan trọng đến nhạc trẻ thế giới.
- D. Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế, Mĩ dẫn đầu về số lượt người nhận giải Nobel.

Câu 10. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh (1945), 3 quốc gia nào ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập?

- A. Philippine, Campuchia, Việt Nam.
- B. Indonesia, Việt Nam, Lào.
- C. Việt Nam, Philippine, Lào.
- D. Miến Điện, Lào, Việt Nam.

Câu 11. Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và khu vực Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai có điểm tương đồng về

- A. Đối tượng đấu tranh
- B. Hình thức đấu tranh
- C. Kết quả cuối cùng
- D. Quy mô, mức độ

Câu 12. Kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong giai đoạn nào?

- A. từ năm 1952 đến năm 1960.
- B. từ năm 1973 đến năm 1991.
- C. từ năm 1991 đến năm 2000.
- D. từ năm 1960 đến năm 1973.

Câu 13. Những năm đầu sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga thực hiện chính sách đối ngoại ngả về phương Tây nhằm mục đích gì?

- A. Để xây dựng một liên minh kinh tế lớn ở châu Âu.
- B. Để tăng cường hợp tác khoa học – kĩ thuật với các nước châu Âu.
- C. Để nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế.
- D. Để thành lập một liên minh chính trị ở châu Âu.

Câu 14. Nguyên nhân chủ yếu buộc Mĩ và Liên Xô chấm dứt Chiến tranh lạnh là gì?

- A. Do sự phát triển của khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa.
- B. Do cuộc chạy đua vũ trang kéo dài làm cho hai nước tốn kém, suy giảm về nhiều mặt.
- C. Do Tây Âu và Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ trở thành đối thủ cạnh tranh của Mĩ.
- D. Do sự lớn mạnh của Trung Quốc và Ấn Độ và phong trào giải phóng dân tộc.

Câu 15. Mục tiêu nào của Mĩ trong “Chiến lược toàn cầu” được áp dụng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.
- B. Khẳng định sức mạnh tuyệt đối của quân đội Mĩ trên toàn cầu.
- C. Không chế, chi phối các nước Tư bản chủ nghĩa khác.
- D. Ra sức truy quét, tiêu diệt chủ nghĩa khủng bố.

Câu 16. Đặc điểm nổi bật của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là gì?

- A. Hai siêu cường Xô – Mĩ đối thoại, hợp tác.
- B. Hợp tác chính trị - văn hóa là xu thế chủ đạo.
- C. Hai siêu cường Xô – Mĩ đối đầu gay gắt.
- D. Hòa bình hợp tác trở thành xu thế chủ đạo.

Câu 17. Ý nào sau đây thể hiện tình hình kinh tế Mĩ trong thập niên 90 của thế kỉ XX?

- A. Trải qua một số đợt suy thoái ngắn.

- B. Phát triển nhanh chóng.
- C. Lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.
- D. Phát triển “thần kì”.

Câu 18. Nhận xét nào sau đây không đúng về vai trò của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc?

- A. Chịu sự giám sát và chi phối của Đại hội đồng.
- B. Chịu trách nhiệm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- C. Mọi quyết định phải có sự nhất trí của 5 Ủy viên thường trực.
- D. Là cơ quan chính trị quan trọng nhất, mỗi năm họp một kì.

Câu 19. Cộng đồng châu Âu ra đời trên cơ sở hợp nhất các tổ chức nào?

- A. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và cộng đồng kinh tế châu Âu.
- B. Cộng đồng than – thép châu Âu, cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu, cộng đồng kinh tế châu Âu.
- C. Cộng đồng than – thép châu Âu và cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.
- D. Cộng đồng than – thép châu Âu và cộng đồng kinh tế châu Âu.

Câu 20. Phong trào đấu tranh vũ trang ở Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến

- A. hệ thống thuộc địa của thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sụp đổ hoàn toàn.
- B. chính quyền độc tài ở nhiều nước bị lật đổ, các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập.
- C. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apácthai bị xóa bỏ hoàn toàn.
- D. chính quyền dân chủ tư sản ở nhiều nước bị lật đổ, các nhà nước vô sản được thiết lập.

Câu 21. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của Nhật Bản từ 1960 – 1969 là bao nhiêu phần trăm (%)?

- A. 8,1%
- B. 7,8%
- C. 8,7%
- D. 10,8%

Câu 22. Nhân dân Campuchia tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945 – 1954) dưới sự lãnh đạo của tổ chức nào?

- A. Đảng Cộng sản Campuchia, sau đó là Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.
- B. Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia, sau đó là Đảng Cộng sản Campuchia.
- C. Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó là Đảng Cộng sản Campuchia.
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó là Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.

Câu 23. Sự ra đời của NATO và Hiệp ước Vácava có ý nghĩa như thế nào đến quan hệ quốc tế những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Mở màn cho sự xác lập của hàng loạt các tổ chức quân sự trên thế giới.
- B. Đánh dấu sự phát triển vượt bậc của hai cường quốc về quân sự.
- C. Đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe.
- D. Chấm dứt mối quan hệ đồng minh giữa hai cường quốc.

Câu 24. Ý nào sau đây là một trong những mục tiêu cải cách – mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978?

- A. xây dựng Trung Quốc thành quốc gia tự do, bình đẳng, bác ái.
- B. xây dựng Trung Quốc thành quốc gia độc lập, tự chủ.
- C. xây dựng Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.
- D. xây dựng Trung Quốc thành quốc gia có trình độ dân trí cao.

Câu 25. Đâu là nguyên nhân khách quan đưa đến sự phục hồi kinh tế của Nhật Bản và Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Sự viện trợ của Mĩ.
- B. Đầu tư phát triển khoa học kĩ thuật.
- C. Đầu tư phát triển con người.
- D. Đẩy mạnh khai thác, bóc lột thuộc địa.

Câu 26. Sự kiện khởi đầu cuộc Chiến tranh lạnh là sự kiện nào sau đây?

- A. thông điệp của Tổng thống Truman tại Quốc hội Mĩ (1947).

- B. sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO, 1949).
- C. Mĩ đề ra “Kế hoạch Mác-san” nhằm viện trợ cho các nước Tây Âu (1947).
- D. sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vác-sava (1955).

Câu 27. Sự kiện nào sau đây được đánh giá là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Thắng lợi của cách mạng Cuba.
- B. Thắng lợi của cách mạng Colombia.
- C. Thắng lợi của cách mạng Mexico.
- D. Thắng lợi của cách mạng Venezuela.

Câu 28. Năm 1960, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. 17 nước được trao trả độc lập.
- B. Tất cả các nước châu Phi giành được độc lập.
- C. Nước Cộng hòa Dimbabue ra đời.
- D. Chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ.

Câu 29. Nguyên nhân khách quan nào đã dẫn đến sự tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu?

- A. Do đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp làm cho sản xuất trì trệ, đời sống nhân dân không được cải thiện.
- B. Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.
- C. Do cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.
- D. Thiếu dân chủ và công bằng.

Câu 30. Liên Xô dựa vào thuận lợi nào là chủ yếu để xây dựng lại đất nước sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.
- B. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước chiến tranh.
- C. Lãnh thổ lớn và tài nguyên phong phú.
- D. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội và sự nhiệt tình của nhân dân.

Câu 31. Tại sao từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái?

- A. Các nước Tây Âu mất hết thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.
- B. Bị bao vây bởi sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
- C. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.
- D. Chịu tác động từ khủng hoảng của nước Mĩ và Nhật Bản.

Câu 32. Kết quả bao trùm mà nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đạt được sau khi thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại là gì?

- A. giải quyết tốt vấn đề tăng trưởng và công bằng xã hội.
- B. tổng kim ngạch xuất khẩu tăng với tốc độ nhanh.
- C. mậu dịch đối ngoại tăng trưởng rất nhanh.
- D. bộ mặt kinh tế – xã hội có sự biến đổi to lớn.

Câu 33. Năm 1961, Liên Xô đạt được thành tựu gì trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật?

- A. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
- B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- C. Phóng tàu vũ trụ đưa I.Gagarin bay vòng quanh trái đất.
- D. Phóng thành công tên lửa đạn đạo.

Câu 34. Liên minh châu Âu (EU) ra đời không chỉ nhằm hợp các liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn hợp tác trong lĩnh vực nào?

- A. cả trong lĩnh vực chính trị và an ninh chung.
- B. cả trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh chung.
- C. cả trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại.

D. cả trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh chung.

Câu 35. Sự điều chỉnh đường lối đối ngoại của các nước Tây Âu từ sau năm 1991 xuất phát từ bối cảnh lịch sử nào?

- A. Sự trỗi dậy của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.
- B. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần hai đã bắt đầu.
- C. Sự bùng nổ mạnh mẽ của phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc.
- D. Chiến tranh lạnh kết thúc, trật tự Ianta hoàn toàn tan rã.

Câu 36. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với ngày 24 – 10 – 1945?

- A. Năm nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an thông qua bản Hiến chương.
- B. Mĩ và Liên Xô phê chuẩn bản Hiến chương Liên hợp quốc.
- C. Hội nghị San Francisco (Mĩ) thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.
- D. Bản Hiến chương Liên hợp quốc chính thức có hiệu lực.

Câu 37. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Liên minh chặt chẽ với Mĩ
- B. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.
- C. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.
- D. Cạnh tranh gay gắt với Mĩ và các nước Tây Âu.

Câu 38. Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2 – 1945), quân đội nước nào sẽ vào chiếm đóng Nhật Bản và Nam Triều Tiên?

- A. Anh.
- B. Liên Xô.
- C. Pháp.
- D. Mĩ.

Câu 39. Một trong những ý nghĩa quốc tế to lớn về thắng lợi của cách mạng Trung Quốc (1949) là gì?

- A. Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- B. Chấm dứt hơn một thế kỉ Trung Quốc bị chế độ thực dân cai trị.
- C. Đưa nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa vào thời kì phát triển mới.
- D. Nói lên hệ thống xã hội chủ nghĩa kéo dài từ châu Âu sang châu Á.

Câu 40. Nội dung nào sau đây là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- B. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau.
- C. Hợp tác có hiệu quả trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục.
- D. Thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên: Số báo danh:

Mã đề 122

Câu 1. Sự kiện khởi đầu cuộc Chiến tranh lạnh là sự kiện nào sau đây?

- A. Thông điệp của Tổng thống Truman tại Quốc hội Mĩ (1947).
- B. Mĩ đề ra “Kế hoạch Mácsan” nhằm viện trợ cho các nước Tây Âu (1947).
- C. Sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO, 1949).
- D. Sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vácava (1955).

Câu 2. Trong các nguyên nhân phát triển kinh tế của Mĩ, nguyên nhân nào quan trọng nhất?

- A. Nhà nước có chính sách điều tiết hợp lí, trình độ tập trung tư bản cao và các công ty của Mĩ có sức sản xuất, cạnh tranh hiệu quả.
- B. Nước Mĩ rộng lớn, giàu tài nguyên, vừa ít bị chiến tranh tàn phá vừa lợi dụng làm giàu từ chiến tranh.
- C. Nguồn nhân lực dồi dào và trình độ kĩ thuật cao.
- D. Mĩ khởi đầu cách mạng khoa học – kĩ thuật của nhân loại và áp dụng thành công những thành tựu khoa học – kĩ thuật.

Câu 3. Kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong giai đoạn nào?

- A. từ năm 1973 đến năm 1991.
- B. từ năm 1952 đến năm 1960.
- C. từ năm 1991 đến năm 2000.
- D. từ năm 1960 đến năm 1973.

Câu 4. Kết quả bao trùm mà nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đạt được sau khi thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại là gì?

- A. tổng kim ngạch xuất khẩu tăng với tốc độ nhanh.
- B. giải quyết tốt vấn đề tăng trưởng và công bằng xã hội.
- C. mậu dịch đối ngoại tăng trưởng rất nhanh.
- D. bộ mặt kinh tế – xã hội có sự biến đổi to lớn.

Câu 5. Biến đổi có ý nghĩa lớn nhất đối với các dân tộc Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Từ thân phận phận bị mất độc lập đã trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.
- B. Việt Nam góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và kiểu mới.
- C. Thành lập và mở rộng liên minh khu vực – ASEAN.
- D. Nhiều nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trở thành nước công nghiệp.

Câu 6. Quyết định nào dưới đây của Hội nghị Ianta (2 – 1945) đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược Đông Dương?

- A. Quân Anh sẽ mở đường cho thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương.
- B. Đồng ý cho quân Trung Hoa Dân quốc và quân Anh vào Đông Dương.
- C. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.
- D. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.

Câu 7. Mối quan hệ giữa Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức được cải thiện thông qua sự kiện nào sau đây?

- A. Hiệp ước hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa năm 1972 được kí kết.
- B. Việc kí Hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược năm 1972.
- C. Việc kí Định ước Helsinki năm 1975.
- D. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết.

Câu 8. Ý nào sau đây thể hiện tình hình kinh tế Mĩ trong thập niên 90 của thế kỉ XX?

- A. Trải qua một số đợt suy thoái ngắn.
- B. Lậm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.
- C. Phát triển nhanh chóng.
- D. Phát triển “thần kì”.

Câu 9. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với ngày 24 – 10 – 1945?

- A. Mĩ và Liên Xô phê chuẩn bản Hiến chương Liên hợp quốc.
- B. Hội nghị San Francisco (Mĩ) thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.
- C. Năm nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an thông qua bản Hiến chương.
- D. Bản Hiến chương Liên hợp quốc chính thức có hiệu lực.

Câu 10. Nội dung nào sau đây là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau.
- B. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- C. Hợp tác có hiệu quả trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục.
- D. Thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế.

Câu 11. Năm 1961, Liên Xô đạt được thành tựu gì trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật?

- A. Phóng thành công tên lửa đạn đạo.
- B. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
- C. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- D. Phóng tàu vũ trụ đưa I.Gagarin bay vòng quanh trái đất.

Câu 12. Sự kiện nào sau đây không thuộc những biến đổi cơ bản của các nước Đông Bắc Á sau năm 1945?

- A. Sự ra đời của hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên.
- B. Sự thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.
- C. Một số nước đạt nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước.
- D. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.

Câu 13. Mục tiêu nào của Mĩ trong “Chiến lược toàn cầu” được áp dụng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Ra sức truy quét, tiêu diệt chủ nghĩa khủng bố.
- B. Khẳng định sức mạnh tuyệt đối của quân đội Mĩ trên toàn cầu.
- C. Không chế, chi phối các nước Tư bản chủ nghĩa khác.
- D. Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.

Câu 14. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh (1945), 3 quốc gia nào ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập?

- A. Philippine, Campuchia, Việt Nam.
- B. Việt Nam, Philippine, Lào.
- C. Miên Điện, Lào, Việt Nam.
- D. Indonesia, Việt Nam, Lào.

Câu 15. Năm 1960, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Nước Cộng hòa Dimbabue ra đời.
- B. 17 nước được trao trả độc lập.
- C. Tất cả các nước châu Phi giành được độc lập.
- D. Chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ.

Câu 16. Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và khu vực Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai có điểm tương đồng về

- A. Quy mô, mức độ
- B. Hình thức đấu tranh
- C. Đối tượng đấu tranh
- D. Kết quả cuối cùng

Câu 17. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Liên minh chặt chẽ với Mĩ

B. Cạnh tranh gay gắt với Mỹ và các nước Tây Âu.

C. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.

D. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.

Câu 18. Một trong những ý nghĩa quốc tế to lớn về thắng lợi của cách mạng Trung Quốc (1949) là gì?

A. Đưa nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa vào thời kỳ phát triển mới.

B. Nối liền hệ thống xã hội chủ nghĩa kéo dài từ châu Âu sang châu Á.

C. Chấm dứt hơn một thế kỉ Trung Quốc bị chế độ thực dân cai trị.

D. Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.

Câu 19. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của Nhật Bản từ 1960 – 1969 là bao nhiêu phần trăm (%)?

A. 8,1%

B. 8,7%

C. 10,8%

D. 7,8%

Câu 20. Ý nào sau đây là một trong những mục tiêu cải cách – mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978?

A. Xây dựng Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

B. Xây dựng Trung Quốc thành quốc gia độc lập, tự chủ.

C. Xây dựng Trung Quốc thành quốc gia có trình độ dân trí cao.

D. Xây dựng Trung Quốc thành quốc gia tự do, bình đẳng, bác ái.

Câu 21. Sự ra đời của NATO và Hiệp ước Vácava có ý nghĩa như thế nào đến quan hệ quốc tế những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe.

B. Chấm dứt mối quan hệ đồng minh giữa hai cường quốc.

C. Mở màn cho sự xác lập của hàng loạt các tổ chức quân sự trên thế giới.

D. Đánh dấu sự phát triển vượt bậc của hai cường quốc về quân sự.

Câu 22. Cộng đồng châu Âu ra đời trên cơ sở hợp nhất các tổ chức nào?

A. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và cộng đồng kinh tế châu Âu.

B. Cộng đồng than – thép châu Âu và cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.

C. Cộng đồng than – thép châu Âu và cộng đồng kinh tế châu Âu.

D. Cộng đồng than – thép châu Âu, cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu, cộng đồng kinh tế châu Âu.

Câu 23. Liên minh châu Âu (EU) ra đời không chỉ nhằm hợp các liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn hợp tác trong lĩnh vực nào?

A. cả trong lĩnh vực chính trị và an ninh chung.

B. cả trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại.

C. cả trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh chung.

D. cả trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh chung.

Câu 24. Nhân dân Campuchia tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945 – 1954) dưới sự lãnh đạo của tổ chức nào?

A. Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia, sau đó là Đảng Cộng sản Campuchia.

B. Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó là Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.

C. Đảng Cộng sản Campuchia, sau đó là Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.

D. Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó là Đảng Cộng sản Campuchia.

Câu 25. Đâu là nguyên nhân khách quan đưa đến sự phục hồi kinh tế của Nhật Bản và Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Sự viện trợ của Mỹ.

B. Đẩy mạnh khai thác, bóc lột thuộc địa.

C. Đầu tư phát triển khoa học kĩ thuật.

D. Đầu tư phát triển con người.

Câu 26. Đặc điểm nổi bật của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là gì?

- A. Hai siêu cường Xô – Mĩ đối thoại, hợp tác.
- B. Hợp tác chính trị - văn hóa là xu thế chủ đạo.
- C. Hai siêu cường Xô – Mĩ đối đầu gay gắt.
- D. Hòa bình hợp tác trở thành xu thế chủ đạo.

Câu 27. Liên Xô dựa vào thuận lợi nào là chủ yếu để xây dựng lại đất nước sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.
- B. Lãnh thổ lớn và tài nguyên phong phú.
- C. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước chiến tranh.
- D. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội và sự nhiệt tình của nhân dân.

Câu 28. Nguyên nhân chủ yếu buộc Mĩ và Liên Xô chấm dứt Chiến tranh lạnh là gì?

- A. Do cuộc chạy đua vũ trang kéo dài làm cho hai nước tốn kém, suy giảm về nhiều mặt.
- B. Do sự lớn mạnh của Trung Quốc và Ấn Độ và phong trào giải phóng dân tộc.
- C. Do sự phát triển của khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa.
- D. Do Tây Âu và Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ trở thành đối thủ cạnh tranh của Mĩ.

Câu 29. Ngày 8 – 9 – 1951, Nhật Bản ký kết với Mĩ hiệp ước gì?

- A. Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật.
- B. Hiệp ước phòng thủ chung Đông Nam Á.
- C. Hiệp ước chạy đua vũ trang.
- D. Hiệp ước liên minh Mĩ – Nhật.

Câu 30. Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới nhờ thực hiện cuộc cách mạng nào?

- A. cách mạng xanh.
- B. cách mạng công nghiệp.
- C. cách mạng chất xám.
- D. cách mạng trắng.

Câu 31. Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2 – 1945), quân đội nước nào sẽ vào chiếm đóng Nhật Bản và Nam Triều Tiên?

- A. Liên Xô.
- B. Mĩ.
- C. Anh.
- D. Pháp.

Câu 32. Biểu hiện nào sau đây thể hiện giai đoạn từ 1991 đến năm 2000, khoa học – kĩ thuật của Mĩ vẫn tiếp tục phát triển?

- A. Tạo ra 25% giá trị sản phẩm của toàn thế giới, là kinh đô của điện ảnh và là cường quốc thể thao.
- B. Mĩ dẫn đầu về số lượt người nhận giải Nobel, giải Grammy có tiếng vang và ảnh hưởng quan trọng đến nhạc trẻ thế giới.
- C. Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế, Mĩ dẫn đầu về số lượt người nhận giải Nobel.
- D. Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của toàn thế giới, GDP năm 2000 là 9.765 tỉ USD.

Câu 33. Sự kiện nào sau đây được đánh giá là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Thắng lợi của cách mạng Cuba.
- B. Thắng lợi của cách mạng Venezuela.
- C. Thắng lợi của cách mạng Colombia.
- D. Thắng lợi của cách mạng Mexico.

Câu 34. Những năm đầu sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga thực hiện chính sách đối ngoại ngả về phương Tây nhằm mục đích gì?

- A. Để xây dựng một liên minh kinh tế lớn ở châu Âu.
- B. Để nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế.
- C. Để tăng cường hợp tác khoa học – kĩ thuật với các nước châu Âu.

D. Để thành lập một liên minh chính trị ở châu Âu.

Câu 35. Sự điều chỉnh đường lối đối ngoại của các nước Tây Âu từ sau năm 1991 xuất phát từ bối cảnh lịch sử nào?

A. Sự bùng nổ mạnh mẽ của phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc.

B. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần hai đã bắt đầu.

C. Sự trỗi dậy của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

D. Chiến tranh lạnh kết thúc, trật tự Ianta hoàn toàn tan rã.

Câu 36. Hãy cho biết ba “con rồng” kinh tế châu Á thuộc khu vực Đông Bắc Á

A. Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản.

B. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.

C. Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản.

D. Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản.

Câu 37. Nguyên nhân khách quan nào đã dẫn đến sự tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu?

A. Thiếu dân chủ và công bằng.

B. Do cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.

C. Do đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp làm cho sản xuất trì trệ, đời sống nhân dân không được cải thiện.

D. Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Câu 38. Phong trào đấu tranh vũ trang ở Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến

A. chính quyền dân chủ tư sản ở nhiều nước bị lật đổ, các nhà nước vô sản được thiết lập.

B. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apácthai bị xóa bỏ hoàn toàn.

C. hệ thống thuộc địa của thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sụp đổ hoàn toàn.

D. chính quyền độc tài ở nhiều nước bị lật đổ, các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập.

Câu 39. Nhận xét nào sau đây không đúng về vai trò của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc?

A. Chịu trách nhiệm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

B. Là cơ quan chính trị quan trọng nhất, mỗi năm họp một kì.

C. Chịu sự giám sát và chi phối của Đại hội đồng.

D. Mọi quyết định phải có sự nhất trí của 5 Ủy viên thường trực.

Câu 40. Tại sao từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái?

A. Chịu tác động từ khủng hoảng của nước Mĩ và Nhật Bản.

B. Các nước Tây Âu mất hết thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.

C. Bị bao vây bởi sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

D. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

C. Đẩy mạnh khai thác, bóc lột thuộc địa.

D. Sự viện trợ của Mĩ.

Câu 10. Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và khu vực Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai có điểm tương đồng về

A. Đối tượng đấu tranh

B. Kết quả cuối cùng

C. Quy mô, mức độ

D. Hình thức đấu tranh

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.

B. Liên minh chặt chẽ với Mĩ

C. Cạnh tranh gay gắt với Mĩ và các nước Tây Âu.

D. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.

Câu 12. Hãy cho biết ba “con rồng” kinh tế châu Á thuộc khu vực Đông Bắc Á

A. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.

B. Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản.

C. Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản.

D. Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản.

Câu 13. Liên minh châu Âu (EU) ra đời không chỉ nhằm hợp các liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn hợp tác trong lĩnh vực nào?

A. cả trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại.

B. cả trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh chung.

C. cả trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh chung.

D. cả trong lĩnh vực chính trị và an ninh chung.

Câu 14. Nguyên nhân chủ yếu buộc Mĩ và Liên Xô chấm dứt Chiến tranh lạnh là gì?

A. Do cuộc chạy đua vũ trang kéo dài làm cho hai nước tốn kém, suy giảm về nhiều mặt.

B. Do sự phát triển của khoa học kỹ thuật và xu thế toàn cầu hóa.

C. Do Tây Âu và Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ trở thành đối thủ cạnh tranh của Mĩ.

D. Do sự lớn mạnh của Trung Quốc và Ấn Độ và phong trào giải phóng dân tộc.

Câu 15. Kết quả bao trùm mà nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đạt được sau khi thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại là gì?

A. giải quyết tốt vấn đề tăng trưởng và công bằng xã hội.

B. bộ mặt kinh tế – xã hội có sự biến đổi to lớn.

C. tổng kim ngạch xuất khẩu tăng với tốc độ nhanh.

D. mậu dịch đối ngoại tăng trưởng rất nhanh.

Câu 16. Sự ra đời của NATO và Hiệp ước Vácava có ý nghĩa như thế nào đến quan hệ quốc tế những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Đánh dấu sự phát triển vượt bậc của hai cường quốc về quân sự.

B. Đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe.

C. Chấm dứt mối quan hệ đồng minh giữa hai cường quốc.

D. Mở màn cho sự xác lập của hàng loạt các tổ chức quân sự trên thế giới.

Câu 17. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với ngày 24 – 10 – 1945?

A. Hội nghị San Francisco (Mĩ) thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.

B. Bản Hiến chương Liên hợp quốc chính thức có hiệu lực.

C. Mĩ và Liên Xô phê chuẩn bản Hiến chương Liên hợp quốc.

D. Năm nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an thông qua bản Hiến chương.

Câu 18. Những năm đầu sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga thực hiện chính sách đối ngoại ngả về phương Tây nhằm mục đích gì?

A. Để xây dựng một liên minh kinh tế lớn ở châu Âu.

- B. Để nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế.
- C. Để thành lập một liên minh chính trị ở châu Âu.
- D. Để tăng cường hợp tác khoa học – kỹ thuật với các nước châu Âu.

Câu 19. Phong trào đấu tranh vũ trang ở Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến

- A. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apácthai bị xóa bỏ hoàn toàn.
- B. chính quyền dân chủ tư sản ở nhiều nước bị lật đổ, các nhà nước vô sản được thiết lập.
- C. chính quyền độc tài ở nhiều nước bị lật đổ, các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập.
- D. hệ thống thuộc địa của thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sụp đổ hoàn toàn.

Câu 20. Nguyên nhân khách quan nào đã dẫn đến sự tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu?

- A. Thiếu dân chủ và công bằng.
- B. Do đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp làm cho sản xuất trì trệ, đời sống nhân dân không được cải thiện.
- C. Do cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.
- D. Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

Câu 21. Biến đổi có ý nghĩa lớn nhất đối với các dân tộc Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Từ thân phận bị mất độc lập đã trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.
- B. Nhiều nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trở thành nước công nghiệp.
- C. Thành lập và mở rộng liên minh khu vực – ASEAN.
- D. Việt Nam góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và kiểu mới.

Câu 22. Cộng đồng châu Âu ra đời trên cơ sở hợp nhất các tổ chức nào?

- A. Cộng đồng than – thép châu Âu, cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu, cộng đồng kinh tế châu Âu.
- B. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và cộng đồng kinh tế châu Âu.
- C. Cộng đồng than – thép châu Âu và cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.
- D. Cộng đồng than – thép châu Âu và cộng đồng kinh tế châu Âu.

Câu 23. Năm 1961, Liên Xô đạt được thành tựu gì trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật?

- A. Phóng tàu vũ trụ đưa I. Gagarin bay vòng quanh trái đất.
- B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- C. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
- D. Phóng thành công tên lửa đạn đạo.

Câu 24. Tại sao từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái?

- A. Các nước Tây Âu mất hết thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.
- B. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.
- C. Bị bao vây bởi sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
- D. Chịu tác động từ khủng hoảng của nước Mĩ và Nhật Bản.

Câu 25. Nhân dân Campuchia tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945 – 1954) dưới sự lãnh đạo của tổ chức nào?

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó là Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.
- B. Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia, sau đó là Đảng Cộng sản Campuchia.
- C. Đảng Cộng sản Campuchia, sau đó là Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.
- D. Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó là Đảng Cộng sản Campuchia.

Câu 26. Biểu hiện nào sau đây thể hiện giai đoạn từ 1991 đến năm 2000, khoa học – kĩ thuật của Mĩ vẫn tiếp tục phát triển?

- A. Tạo ra 25% giá trị sản phẩm của toàn thế giới, là kinh đô của điện ảnh và là cường quốc thể thao.

B. Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế, Mĩ dẫn đầu về số lượt người nhận giải Nobel.
C. Mĩ dẫn đầu về số lượt người nhận giải Nobel, giải Grammy có tiếng vang và ảnh hưởng quan trọng đến nhạc trẻ thế giới.

D. Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của toàn thế giới, GDP năm 2000 là 9.765 tỉ USD.

Câu 27. Ý nào sau đây thể hiện tình hình kinh tế Mĩ trong thập niên 90 của thế kỉ XX?

- A. Trải qua một số đợt suy thoái ngắn.
- B. Phát triển nhanh chóng.
- C. Lậm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.
- D. Phát triển “thần kì”.

Câu 28. Liên Xô dựa vào thuận lợi nào là chủ yếu để xây dựng lại đất nước sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Lãnh thổ lớn và tài nguyên phong phú.
- B. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước chiến tranh.
- C. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.
- D. Tinh ưu việt của chủ nghĩa xã hội và sự nhiệt tình của nhân dân.

Câu 29. Mục tiêu nào của Mĩ trong “Chiến lược toàn cầu” được áp dụng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Không chế, chi phối các nước Tư bản chủ nghĩa khác.
- B. Ra sức truy quét, tiêu diệt chủ nghĩa khủng bố.
- C. Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.
- D. Khẳng định sức mạnh tuyệt đối của quân đội Mĩ trên toàn cầu.

Câu 30. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của Nhật Bản từ 1960 – 1969 là bao nhiêu phần trăm (%)?

- A. 8,1%
- B. 8,7%
- C. 7,8%
- D. 10,8%

Câu 31. Trong các nguyên nhân phát triển kinh tế của Mĩ, nguyên nhân nào quan trọng nhất?

A. Mĩ khởi đầu cách mạng khoa học – kĩ thuật của nhân loại và áp dụng thành công những thành tựu khoa học – kĩ thuật.

B. Nước Mĩ rộng lớn, giàu tài nguyên, vừa ít bị chiến tranh tàn phá vừa lợi dụng làm giàu từ chiến tranh.

C. Nhà nước có chính sách điều tiết hợp lí, trình độ tập trung tư bản cao và các công ty của Mĩ có sức sản xuất, cạnh tranh hiệu quả.

D. Nguồn nhân lực dồi dào và trình độ kĩ thuật cao.

Câu 32. Quyết định nào dưới đây của Hội nghị Ianta (2 – 1945) đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược Đông Dương?

A. Đồng ý cho quân Trung Hoa Dân quốc và quân Anh vào Đông Dương.

B. Quân Anh sẽ mở đường cho thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương.

C. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.

D. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.

Câu 33. Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới nhờ thực hiện cuộc cách mạng nào?

A. cách mạng chất xám.

B. cách mạng công nghiệp.

C. cách mạng trắng.

D. cách mạng xanh.

Câu 34. Sự kiện khởi đầu cuộc Chiến tranh lạnh là sự kiện nào sau đây?

A. thông điệp của Tổng thống Truman tại Quốc hội Mĩ (1947).

B. sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO, 1949).

C. sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vácava (1955).

D. Mĩ đề ra “Kế hoạch Mácsan” nhằm viện trợ cho các nước Tây Âu (1947).

Câu 35. Ngày 8 – 9 – 1951, Nhật Bản ký kết với Mĩ hiệp ước gì?

- A. Hiệp ước chạy đua vũ trang.
- B. Hiệp ước liên minh Mĩ – Nhật.
- C. Hiệp ước phòng thủ chung Đông Nam Á.
- D. Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật.

Câu 36. Một trong những ý nghĩa quốc tế to lớn về thắng lợi của cách mạng Trung Quốc (1949) là gì?

- A. Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- B. Chấm dứt hơn một thế kỉ Trung Quốc bị chế độ thực dân cai trị.
- C. Đưa nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa vào thời kì phát triển mới.
- D. Nói liền hệ thống xã hội chủ nghĩa kéo dài từ châu Âu sang châu Á.

Câu 37. Đặc điểm nổi bật của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là gì?

- A. Hai siêu cường Xô – Mĩ đối đầu gay gắt.
- B. Hai siêu cường Xô – Mĩ đối thoại, hợp tác.
- C. Hòa bình hợp tác trở thành xu thế chủ đạo.
- D. Hợp tác chính trị - văn hóa là xu thế chủ đạo.

Câu 38. Nhận xét nào sau đây không đúng về vai trò của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc?

- A. Chịu sự giám sát và chi phối của Đại hội đồng.
- B. Chịu trách nhiệm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.
- C. Là cơ quan chính trị quan trọng nhất, mỗi năm họp một kì.
- D. Mọi quyết định phải có sự nhất trí của 5 Ủy viên thường trực.

Câu 39. Nội dung nào sau đây là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau.
- B. Hợp tác có hiệu quả trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục.
- C. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- D. Thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế.

Câu 40. Năm 1960, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi giành được thắng lợi nào sau đây?

- A. Chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ.
- B. Nước Cộng hòa Dimbabue ra đời.
- C. Tất cả các nước châu Phi giành được độc lập.
- D. 17 nước được trao trả độc lập.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

Họ và tên:Số báo danh:

Mã đề 124

Câu 1. Nhân dân Campuchia tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (1945 – 1954) dưới sự lãnh đạo của tổ chức nào?

- A. Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia, sau đó là Đảng Cộng sản Campuchia.
- B. Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó là Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.
- C. Đảng Cộng sản Đông Dương, sau đó là Đảng Cộng sản Campuchia.
- D. Đảng Cộng sản Campuchia, sau đó là Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia.

Câu 2. Ấn Độ trở thành một trong những cường quốc sản xuất phần mềm lớn nhất thế giới nhờ thực hiện cuộc cách mạng nào?

- A. cách mạng trắng.
- B. cách mạng công nghiệp.
- C. cách mạng chất xám.
- D. cách mạng xanh.

Câu 3. Kinh tế Nhật Bản phát triển “thần kì” trong giai đoạn nào?

- A. từ năm 1991 đến năm 2000.
- B. từ năm 1952 đến năm 1960.
- C. từ năm 1973 đến năm 1991.
- D. từ năm 1960 đến năm 1973.

Câu 4. Sự kiện nào dưới đây gắn liền với ngày 24 – 10 – 1945?

- A. Bản Hiến chương Liên hợp quốc chính thức có hiệu lực.
- B. Năm nước Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an thông qua bản Hiến chương.
- C. Mỹ và Liên Xô phê chuẩn bản Hiến chương Liên hợp quốc.
- D. Hội nghị San Francisco (Mỹ) thông qua bản Hiến chương Liên hợp quốc.

Câu 5. Một trong những ý nghĩa quốc tế to lớn về thắng lợi của cách mạng Trung Quốc (1949) là gì?

- A. Chấm dứt hơn một thế kỉ Trung Quốc bị chế độ thực dân cai trị.
- B. Nối liền hệ thống xã hội chủ nghĩa kéo dài từ châu Âu sang châu Á.
- C. Trung Quốc bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Việt Nam.
- D. Đưa nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa vào thời kì phát triển mới.

Câu 6. Trong các nguyên nhân phát triển kinh tế của Mỹ, nguyên nhân nào quan trọng nhất?

- A. Nhà nước có chính sách điều tiết hợp lí, trình độ tập trung tư bản cao và các công ty của Mỹ có sức sản xuất, cạnh tranh hiệu quả.
- B. Nguồn nhân lực dồi dào và trình độ kĩ thuật cao.
- C. Nước Mỹ rộng lớn, giàu tài nguyên, vừa ít bị chiến tranh tàn phá vừa lợi dụng làm giàu từ chiến tranh.
- D. Mỹ khởi đầu cách mạng khoa học – kĩ thuật của nhân loại và áp dụng thành công những thành tựu khoa học – kĩ thuật.

Câu 7. Sự kiện khởi đầu cuộc Chiến tranh lạnh là sự kiện nào sau đây?

- A. sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO, 1949).
- B. Mỹ đề ra “Kế hoạch Mácsan” nhằm viện trợ cho các nước Tây Âu (1947).
- C. thông điệp của Tổng thống Truman tại Quốc hội Mỹ (1947).
- D. sự ra đời của Tổ chức Hiệp ước Vácava (1955).

Câu 8. Quyết định nào dưới đây của Hội nghị Ianta (2 – 1945) đã tạo điều kiện cho thực dân Pháp trở lại xâm lược Đông Dương?

- A. Quân Anh sẽ mở đường cho thực dân Pháp chiếm lại Đông Dương.

- B. Đông Nam Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây.
- C. Đồng ý cho quân Trung Hoa Dân quốc và quân Anh vào Đông Dương.
- D. Liên Xô không được đưa quân đội vào Đông Dương.

Câu 9. Ý nào sau đây thể hiện tình hình kinh tế Mĩ trong thập niên 90 của thế kỉ XX?

- A. phát triển nhanh chóng.
- B. trải qua một số đợt suy thoái ngắn.
- C. lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.
- D. phát triển “thần kì”.

Câu 10. Ngày 8 – 9 – 1951, Nhật Bản ký kết với Mĩ hiệp ước gì?

- A. Hiệp ước liên minh Mĩ – Nhật.
- B. Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật.
- C. Hiệp ước phòng thủ chung Đông Nam Á.
- D. Hiệp ước chạy đua vũ trang.

Câu 11. Nội dung nào sau đây là nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc?

- A. Không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực đối với nhau.
- B. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.
- C. Thúc đẩy các mối quan hệ hữu nghị, hợp tác quốc tế.
- D. Hợp tác có hiệu quả trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục.

Câu 12. Cộng đồng châu Âu ra đời trên cơ sở hợp nhất các tổ chức nào?

- A. Cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu và cộng đồng kinh tế châu Âu.
- B. Cộng đồng than – thép châu Âu và cộng đồng kinh tế châu Âu.
- C. Cộng đồng than – thép châu Âu, cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu, cộng đồng kinh tế châu Âu.
- D. Cộng đồng than – thép châu Âu và cộng đồng năng lượng nguyên tử châu Âu.

Câu 13. Theo quyết định của Hội nghị Ianta (2 – 1945), quân đội nước nào sẽ vào chiếm đóng Nhật Bản và Nam Triều Tiên?

- A. Mĩ.
- B. Anh.
- C. Pháp.
- D. Liên Xô.

Câu 14. Mục tiêu nào của Mĩ trong “Chiến lược toàn cầu” được áp dụng sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Ra sức truy quét, tiêu diệt chủ nghĩa khủng bố.
- B. Khẳng định sức mạnh tuyệt đối của quân đội Mĩ trên toàn cầu.
- C. Khống chế, chi phối các nước Tư bản chủ nghĩa khác.
- D. Ngăn chặn, đẩy lùi, tiến tới tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít.

Câu 15. Biến đổi có ý nghĩa lớn nhất đối với các dân tộc Đông Nam Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Việt Nam góp phần làm sụp đổ chủ nghĩa thực dân kiểu cũ và kiểu mới.
- B. Thành lập và mở rộng liên minh khu vực – ASEAN.
- C. Nhiều nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, trở thành nước công nghiệp.
- D. Từ thân phận phận bị mất độc lập đã trở thành các quốc gia độc lập, tự chủ.

Câu 16. Sự kiện nào sau đây được đánh giá là lá cờ đầu trong phong trào giải phóng dân tộc ở Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Thắng lợi của cách mạng Venezuela.
- B. Thắng lợi của cách mạng Colombia.
- C. Thắng lợi của cách mạng Mexico.
- D. Thắng lợi của cách mạng Cuba.

Câu 17. Sự điều chỉnh đường lối đối ngoại của các nước Tây Âu từ sau năm 1991 xuất phát từ bối cảnh lịch sử nào?

- A. Sự bùng nổ mạnh mẽ của phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc.
- B. Sự trỗi dậy của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

C. Chiến tranh lạnh kết thúc, trật tự Ianta hoàn toàn tan rã.

D. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật lần hai đã bắt đầu.

Câu 18. Đặc điểm nổi bật của quan hệ quốc tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến đầu những năm 70 của thế kỉ XX là gì?

A. Hòa bình hợp tác trở thành xu thế chủ đạo.

B. Hai siêu cường Xô – Mĩ đối thoại, hợp tác.

C. Hợp tác chính trị - văn hóa là xu thế chủ đạo.

D. Hai siêu cường Xô – Mĩ đối đầu gay gắt.

Câu 19. Kết quả bao trùm mà nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đạt được sau khi thực hiện chiến lược kinh tế hướng ngoại là gì?

A. tổng kim ngạch xuất khẩu tăng với tốc độ nhanh.

B. bộ mặt kinh tế – xã hội có sự biến đổi to lớn.

C. giải quyết tốt vấn đề tăng trưởng và công bằng xã hội.

D. mậu dịch đối ngoại tăng trưởng rất nhanh.

Câu 20. Liên Xô dựa vào thuận lợi nào là chủ yếu để xây dựng lại đất nước sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội và sự nhiệt tình của nhân dân.

B. Lãnh thổ lớn và tài nguyên phong phú.

C. Những thành tựu từ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước chiến tranh.

D. Sự ủng hộ của phong trào cách mạng thế giới.

Câu 21. Những năm đầu sau khi Liên Xô tan rã, Liên bang Nga thực hiện chính sách đối ngoại ngả về phương Tây nhằm mục đích gì?

A. Để xây dựng một liên minh kinh tế lớn ở châu Âu.

B. Để tăng cường hợp tác khoa học – kỹ thuật với các nước châu Âu.

C. Để thành lập một liên minh chính trị ở châu Âu.

D. Để nhận được sự ủng hộ về chính trị và sự viện trợ về kinh tế.

Câu 22. Hãy cho biết ba “con rồng” kinh tế châu Á thuộc khu vực Đông Bắc Á

A. Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản.

B. Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản.

C. Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản.

D. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan.

Câu 23. Phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi và khu vực Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai có điểm tương đồng về

A. Quy mô, mức độ

B. Đối tượng đấu tranh

C. Hình thức đấu tranh

D. Kết quả cuối cùng

Câu 24. Năm 1960, phong trào giải phóng dân tộc ở châu Phi giành được thắng lợi nào sau đây?

A. Nước Cộng hòa Dimbabue ra đời.

B. 17 nước được trao trả độc lập.

C. Tất cả các nước châu Phi giành được độc lập.

D. Chế độ phân biệt chủng tộc bị xóa bỏ.

Câu 25. Nhận xét nào sau đây không đúng về vai trò của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc?

A. Là cơ quan chính trị quan trọng nhất, mỗi năm họp một kì.

B. Mọi quyết định phải có sự nhất trí của 5 Ủy viên thường trực.

C. Chịu trách nhiệm duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

D. Chịu sự giám sát và chi phối của Đại hội đồng.

Câu 26. Sự kiện nào sau đây không thuộc những biến đổi cơ bản của các nước Đông Bắc Á sau năm 1945?

A. Sự ra đời của hai nhà nước trên bán đảo Triều Tiên.

B. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.

C. Sự thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

D. Một số nước đạt nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước.

Câu 27. Nguyên nhân khách quan nào đã dẫn đến sự tan rã của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu?

A. Sự chống phá của các thế lực thù địch trong và ngoài nước.

B. Do cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.

C. Do đường lối lãnh đạo mang tính chủ quan, duy ý chí, cùng với cơ chế tập trung quan liêu bao cấp làm cho sản xuất trì trệ, đời sống nhân dân không được cải thiện.

D. Thiếu dân chủ và công bằng.

Câu 28. Mối quan hệ giữa Cộng hòa Liên bang Đức và Cộng hòa Dân chủ Đức được cải thiện thông qua sự kiện nào sau đây?

A. Hiệp ước hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa năm 1972 được kí kết.

B. Hiệp định về những cơ sở của quan hệ giữa Đông Đức và Tây Đức được kí kết.

C. Việc kí Định ước Helsinki năm 1975.

D. Việc kí Hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược năm 1972.

Câu 29. Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của Nhật Bản từ 1960 – 1969 là bao nhiêu phần trăm (%)?

A. 10,8%

B. 8,7%

C. 7,8%

D. 8,1%

Câu 30. Ý nào sau đây là một trong những mục tiêu cải cách – mở cửa ở Trung Quốc từ năm 1978?

A. Xây dựng Trung Quốc thành quốc gia độc lập, tự chủ.

B. Xây dựng Trung Quốc thành quốc gia có trình độ dân trí cao.

C. Xây dựng Trung Quốc thành quốc gia tự do, bình đẳng, bác ái.

D. Xây dựng Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.

Câu 31. Biểu hiện nào sau đây thể hiện giai đoạn từ 1991 đến năm 2000, khoa học – kĩ thuật của Mĩ vẫn tiếp tục phát triển?

A. Tạo ra 25% giá trị sản phẩm của toàn thế giới, là kinh đô của điện ảnh và là cường quốc thể thao.

B. Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế, Mĩ dẫn đầu về số lượt người nhận giải Nobel.

C. Chiếm 1/3 số lượng bản quyền phát minh sáng chế của toàn thế giới, GDP năm 2000 là 9.765 tỉ USD.

D. Mĩ dẫn đầu về số lượt người nhận giải Nobel, giải Grammy có tiếng vang và ảnh hưởng quan trọng đến nhạc trẻ thế giới.

Câu 32. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh (1945), 3 quốc gia nào ở Đông Nam Á tuyên bố độc lập?

A. Miến Điện, Lào, Việt Nam.

B. Philippine, Campuchia, Việt Nam.

C. Indonesia, Việt Nam, Lào.

D. Việt Nam, Philippine, Lào.

Câu 33. Đặc điểm nào sau đây là đặc điểm nổi bật trong quan hệ đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

A. Phát triển kinh tế đối ngoại, xâm nhập và mở rộng phạm vi thế lực bằng kinh tế ở khắp mọi nơi, đặc biệt là Đông Nam Á.

B. Liên minh chặt chẽ với Mĩ

C. Cạnh tranh gay gắt với Mĩ và các nước Tây Âu.

D. Không đưa quân đi tham chiến ở nước ngoài.

Câu 34. Liên minh châu Âu (EU) ra đời không chỉ nhằm hợp các liên minh giữa các nước thành viên trong lĩnh vực kinh tế, tiền tệ mà còn hợp tác trong lĩnh vực nào?

A. cả trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại và an ninh chung.

B. cả trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại.

C. cả trong lĩnh vực đối ngoại và an ninh chung.

D. cả trong lĩnh vực chính trị và an ninh chung.

Câu 35. Tại sao từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Tây Âu lâm vào tình trạng khủng hoảng và suy thoái?

- A. Tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới bắt đầu từ năm 1973.
- B. Các nước Tây Âu mất hết thuộc địa ở châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.
- C. Bị bao vây bởi sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới.
- D. Chịu tác động từ khủng hoảng của nước Mĩ và Nhật Bản.

Câu 36. Phong trào đấu tranh vũ trang ở Mĩ Latinh sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã khiến

- A. chính quyền độc tài ở nhiều nước bị lật đổ, các chính phủ dân tộc dân chủ được thiết lập.
- B. hệ thống thuộc địa của thực dân Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sụp đổ hoàn toàn.
- C. chủ nghĩa phân biệt chủng tộc Apácthai bị xóa bỏ hoàn toàn.
- D. chính quyền dân chủ tư sản ở nhiều nước bị lật đổ, các nhà nước vô sản được thiết lập.

Câu 37. Sự ra đời của NATO và Hiệp ước Vácava có ý nghĩa như thế nào đến quan hệ quốc tế những năm sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Đánh dấu sự xác lập của cục diện hai cực, hai phe.
- B. Đánh dấu sự phát triển vượt bậc của hai cường quốc về quân sự.
- C. Chấm dứt mối quan hệ đồng minh giữa hai cường quốc.
- D. Mở màn cho sự xác lập của hàng loạt các tổ chức quân sự trên thế giới.

Câu 38. Nguyên nhân chủ yếu buộc Mĩ và Liên Xô chấm dứt Chiến tranh lạnh là gì?

- A. Do cuộc chạy đua vũ trang kéo dài làm cho hai nước tốn kém, suy giảm về nhiều mặt.
- B. Do sự phát triển của khoa học kĩ thuật và xu thế toàn cầu hóa.
- C. Do sự lớn mạnh của Trung Quốc và Ấn Độ và phong trào giải phóng dân tộc.
- D. Do Tây Âu và Nhật Bản vươn lên mạnh mẽ trở thành đối thủ cạnh tranh của Mĩ.

Câu 39. Năm 1961, Liên Xô đạt được thành tựu gì trong lĩnh vực khoa học – kĩ thuật?

- A. Phóng thành công tên lửa đạn đạo.
- B. Phóng tàu vũ trụ đưa I.Gagarin bay vòng quanh trái đất.
- C. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- D. Chế tạo thành công bom nguyên tử.

Câu 40. Đây là nguyên nhân khách quan đưa đến sự phục hồi kinh tế của Nhật Bản và Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Đầu tư phát triển khoa học kĩ thuật.
- B. Đầu tư phát triển con người.
- C. Đẩy mạnh khai thác, bóc lột thuộc địa.
- D. Sự viện trợ của Mĩ.

- HẾT -

(Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm)

ĐÁP ÁN KIỂM TRA GIỮA KÌ I – NĂM HỌC: 2022 – 2023
MÔN: LỊCH SỬ - KHỐI 12

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
121	D	B	B	A	B	C	D	B	D	B	C	D	C	B	C	C	A	A	B	B
122	A	D	D	D	A	C	D	A	D	B	D	D	C	D	B	D	A	B	C	A
123	A	A	A	D	C	C	A	C	D	B	B	A	B	A	B	B	B	B	C	D
124	B	C	D	A	B	D	C	B	B	B	B	C	A	C	D	D	C	D	B	A
Đề/câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
121	D	D	C	C	A	A	A	A	B	D	C	D	C	B	D	D	A	D	D	A
122	A	D	D	B	A	C	D	A	A	C	B	C	A	B	D	B	D	D	C	D
123	A	A	A	B	A	B	A	D	A	D	A	D	A	A	D	D	A	A	C	D
124	D	D	D	B	D	B	A	B	A	D	B	C	B	A	A	A	A	A	B	D

